TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST.
Ngày: 14-07-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đinh Triều- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty A** (tên cũ: Công ty A), địa chỉ: F, KCN B, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà M, sinh năm 1988. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **D**, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ dân phố X, xã H, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 06 năm 2024 của nguyên đơn- Công Ty A, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/04/2021, Công Ty A (Tên cũ: Công ty A) và ông D đã ký Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021. Theo đó, ông D sẽ trở thành Nhà phân phối cấp I của Công ty để phân phối sản phẩm Thức ăn nuôi tôm mang thương hiệu A gồm các nhãn hiệu: A THẺ; A No.0, No.1S (thẻ); THE LIGHT, SUPER BEST; SUPER BEST ƯƠNG GIÈO do Công ty A sản xuất. Hai bên đã đặt hàng và giao nhận hàng hóa theo đúng quy định tại Điều IV của Hợp đồng. Theo đó, bên B sẽ phải thanh toán cho bên A

theo Điều 5 của Hợp đồng, cụ thể là:

5.1 Bên B thanh toán 100% giá trị từng Đơn đặt hàng cho Bên A trước khi nhận hàng hoặc sau khi nhận hàng tùy từng thời điểm và theo quyền quyết định duy nhất của Bên A.

5.5 Chậm nhất vào ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng này, bên B phải thanh toán toàn bộ số dư nợ cho bên A.

5.6 Trường hợp bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên B nhận lô hàng cuối cùng. Trong quá trình hợp tác, hai bên cũng đã ký kết thêm các Phụ lục hợp đồng sau:

- Phụ lục hợp đồng số 05/2021 ngày 01/06/2021 về chiết khấu thương mại.

- Phụ lục hợp đồng số 03/2021 ngày 01/10/2021 về chiết khấu thương mại.

- Phụ lục hợp đồng số 02/2022 ngày 01/03/2022 về hạn mức dư nợ và bảo lãnh thanh toán.

- Phụ lục hợp đồng số 03/2022 ngày 01/06/2022 về chiết khấu thương mại.

- Phụ lục hợp đồng số 04/2022 ngày 01/10/2022 về chiết khấu thương mại.

- Phụ lục hợp đồng số 01/2023 ngày 03/01/2023 về chiết khấu thương mại.

Ngày 21/07/2023 ông D đã nhận lô hàng cuối cùng của Công ty A.

Căn cứ khoản 5.6 Điều 5 Hợp đồng số 04 GX the, TL, SB, UG/ NĐI 2021 "5.6 Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng." thì ông D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty A trong vòng 15 ngày, tức là ông D phải thanh toán cho Công ty A toàn bộ công nợ kể từ ngày 06/08/2023.

Trong Đơn khởi kiện, Công ty A đã yêu cầu ông D phải thanh toán cho Công ty số tiền là 508.217.900 đồng, tuy nhiên:

Ngày 08/05/2025 ông Điện thanh toán 50.000.000 VNĐ.

Ngày 27/02/2025 ông Điện thanh toán 30.000.000 VNĐ

Ngày 30/11/2024 ông Điện thanh toán 30.000.000 VNĐ

Ngày 20/09/2024 ông Điện thanh toán 39.500.000 VNĐ

Ngày 05/07/2024 ông Điện thanh toán 42.000.000 VNĐ

Đến nay, ông D vẫn chưa thanh toán hết công nợ trên và còn nợ Công ty A số tiền là 316.717.990 VNĐ (Ba trăm mười sáu triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, chín trăm chín mươi đồng). Do vậy, Công ty A tính tiền lãi đối với số nợ trên với mức lãi suất 9%/ năm, tương đương 0.75%/ tháng (Mức lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước). Số tiền lãi tính từ ngày 06/08/2023 đến 06/06/2025 (22 tháng) là 52.258.468 VNĐ (Năm mươi hai triệu, hai trăm năm

mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Việc ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty A. Vì vậy, Công ty quyết định khởi kiện ông D, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai buộc ông D phải thanh toán cho Công ty A toàn bộ số nợ là 316.717.990 VNĐ (Ba trăm mười sáu triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, chín trăm chín mươi đồng) và tiền lãi tính đến ngày 06/06/2025 là 52.258.468 VNĐ (Năm mươi hai triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi tám đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/05/2025, bị đơn- ông D trình bày:* Ông có ký hợp đồng mua bán thức ăn A với Công ty A vào ngày 01/04/2021 theo đó: ông nhận phân phối thức ăn A cho Công ty A và nhận chiết khấu phần trăm trên doanh thu bán được. Từ khi bắt đầu ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng (tháng 3/2024), Công ty A đã chuyển cho ông tổng là 180 tấn thức ăn chăn nuôi, ông đã thanh toán tiền cho Công ty. Tuy nhiên, đến tháng 3/2024 nhiều khách hàng nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi A của ông nên ông chưa có tiền thanh toán cho Công ty, từ đó Công ty không chuyển hàng cho ông nữa. Theo đơn khởi kiện, Công ty A khởi kiện ông thì giá trị công nợ là 508.217.990 đồng nợ gốc và nợ lãi. Ông không nhớ cụ thể số nợ nhưng ông khẳng định số nợ theo đơn khởi kiện Công ty đã ghi là đúng. Tuy nhiên, sau khi Công ty có khởi kiện ông đã nhiều lần thanh toán tiền cho Công ty băng hình thức chuyển khoản cho Công ty, ông không nhớ các lần các cụ thể, chỉ biết ngày 12/5/2025 ông và Công ty đã chốt công nợ: Hiện ông còn nợ Công ty 316.000.000 đồng. Ông đã đề nghị Công ty A cho ông trả số nợ đến ngày 31/8/2025 và Công ty đã nhất trí, vì vậy, ông đề nghị Công ty rút đơn khởi kiện. Còn nếu Công ty không rút đơn, ông chỉ thừa nhận hiện còn nợ Công ty số tiền 316.000.000 đồng. Hiện nay ông ở xa nên không thể đến Tòa án nhân dân huyện T để làm việc được, vì vậy, ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty A. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty A (Tên cũ: Công ty A) và ông D có ký kết Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty A khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Do tại Điều VIII của ký kết Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021, các đương sự có thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền tại Đồng Nai (nơi Công ty A có trụ sở) nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai) theo quy định tại các Điều 26, 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn- ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Điện.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021 và 06 phụ lục kèm theo giữa Công ty A và ông D được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể tính tới ngày xét xử, ông D còn nợ Công ty A số tiền 316.717.990 VNĐ. Ông D cũng thừa nhận có nợ Công ty A số tiền nêu trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền nợ còn thiếu là 316.717.990 VNĐ.

[4.2] Công ty A yêu cầu ông D phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 06/08/2023 đến ngày 06/06/2025, thành tiền là 52.258.468 đồng. Xét thấy, tại khoản 5.7 Điều V của Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021 thì các bên có thỏa thuận "Nếu bên B không thanh toán đúng thời hạn theo quy định của hợp đồng thì bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán" và nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty A, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.448.823 đồng.

[5.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.339.000 đồng theo biên lai thu số 0016555 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Công ty A về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* đối với bị đơn-ông D.

Xử buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền nợ là 316.717.990 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 06/08/2023 đến ngày 06/06/2025: 52.258.468 đồng, tổng cộng là 368.976.458 (ba trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi tám) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 04 GX the, TL, SB, UG/NĐI 2021 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bị đơn- ông D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.448.823 (mười tám triệu bốn trăm bốn mươi tám ngán tám trăm hai mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.339.000 (mười ba triệu ba trăm ba mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016555 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Đồng Nai.

3. Công ty A có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ánh Sáng – Lưu Đức Chung **Đào Ngọc Nam**

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam